

HOA NÔNG NỈ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tong số tre :307

Sang : Chao thòt ech nam mỗp ca rot
Sỗa grow
Trỗa : Cỗm ca ba sa kho thỗm ca chua. Canh
bí ão tom kho thòt heo nạc ngo gai
Mon xao: ãau cove, ca rot
Xe: banh plan
Xe chieu: Hủ tũ thòt tom mỗc ca rot nam
mỗp gia he

So Tien Tren Moi Tre 37004				
STT	Ten thốc pham	Khoi lổng(g)	Nỗn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHỒ			
1	Rạm (mười)	3,000	1,060	31,800
2	Tom bien	1,500	36,540	548,100
3	Mỗc tỗi	1,000	34,020	340,200
4	Cà ba sa	10,000	13,760	1,376,000
5	Tom kho	200	79,870	159,740
6	Nỗc mạm Cà (loại 1)	3,000	6,160	184,800
7	Dậu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
8	Nỗng cat	4,000	3,880	155,200
9	Dậu me	1,000	3,870	38,700
10	Gạo tẻ máy	24,000	2,630	631,200
11	Hủ tũ	17,000	1,820	309,400
12	Hạnh lã	1,500	5,250	78,750
13	Hạnh củ tỗi	1,000	6,300	63,000
14	Cà rot	6,000	5,570	334,200
15	Gĩa ãau xanh	1,000	2,730	27,300
16	Nam rỗm	1,200	14,180	170,160
17	Mỗp	4,000	4,200	168,000
18	He lã	1,000	4,830	48,300
19	Cà chua	3,500	7,350	257,250
20	Bỉ ngo (Bỉ ão)	10,000	3,990	399,000
21	Rậu mủi tẩu (ngo gai)	100	6,510	6,510
22	Ñậu cỏ ve (tỗi)	3,000	6,620	198,600
23	Banh plan	30,700	6,770	2,078,390
24	Thòt lỏn nạc	6,600	18,800	1,240,800
25	Thòt ech	3,500	27,300	955,500
26	Dỗa tã	2,000	2,940	58,800
Cong				10,048,100
	*XUAT KHO			
27	Sỗa bốt Abbot Grow	6,400	20,500	1,312,000
Cong				1,312,000
Tong tien thốc pham				11,360,100 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tien ãỗc chỉ trong ngay				11359000(ñ)
So ãỗ ãau ngay				0(ñ)
So ãỗ cuoi ngay				-1100(ñ)
Xuat ăn luy ke tỗ ãau thang				
Tieu chuan luy ke tỗ ãau thang				
Tien chỉ luy ke tỗ ãau thang				